

Bản án số: **188/2026/HNGĐ-ST**

Ngày 05-5-2026

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trường Hận

Bà Nguyễn Huỳnh Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Linh là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

Ngày 05 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2026 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 283/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị R, sinh năm 1991 (xin vắng mặt)

Căn cước số: 096191009466, cấp ngày 09/10/2024.

Cư trú tại: Ấp G, xã K, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Vũ C, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp A, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là chị Võ Thị R trình bày:

Về hôn nhân: Chị Võ Thị R và anh Nguyễn Vũ C tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2011, không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cự cãi nhau, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn. Nay chị R yêu cầu ly hôn với anh C.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị R và anh C có 01 người con chung tên Nguyễn Gia H (nam), sinh ngày 15/6/2011, hiện nay chị R đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị R yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị R và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị R xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Vũ C đúng theo quy định pháp luật, nhưng anh C không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 01/4/2026, nguyên đơn chị Võ Thị R có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đúng theo quy định pháp luật; bị đơn anh Nguyễn Vũ C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị R và anh C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị R và anh Nguyễn Vũ C tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2011 nhưng trong quá trình chung sống, đến thời điểm yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn không có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị R và anh C không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị R và anh C có 01 người con chung tên Nguyễn Gia H (nam), sinh ngày 15/6/2011, hiện nay chị R đang trực tiếp nuôi dưỡng. Xét yêu cầu của chị R tiếp tục nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, thấy rằng: Trong thời gian chị R và anh C xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân, chị R là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến nay. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, anh C không có văn bản thể hiện ý kiến về quyền nuôi con. Cho nên để bảo đảm quyền lợi của con chung sau khi ly hôn, Hội đồng xét xử xem xét trên cơ sở nguyện vọng của con chung mong muốn tiếp tục sống chung với chị R và điều kiện nuôi dưỡng con sau khi ly hôn của chị R vẫn bảo đảm, cuộc sống ổn định nên cần giao cháu Gia H cho chị R tiếp tục nuôi dưỡng. Anh C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị R không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị R không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị R phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của chị R.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 14 và 53 Luật Hôn nhân và gia đình; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Võ Thị R và anh Nguyễn Vũ C là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Gia H (nam), sinh ngày 15/6/2011 cho chị Võ Thị R tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Nguyễn Vũ C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị R không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm: Chị Võ Thị R phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Ngày 10 tháng 02 năm 2026, chị Võ Thị R đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Biên lai số 0001672 của Thị hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 3 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Dương Minh Út